

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Kênh tưới thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3805/STNMT-CCBVMT ngày 21/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Kênh tưới thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Kênh tưới thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 800/BQL-KTTĐ ngày 22/12/2022 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1130/TTr-STNMT ngày 23/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Kênh tưới thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KÊNH TƯỚI THÔN THUẬN HẠNH, THUẬN HIỆP,
XÃ BÌNH THUẬN, HUYỆN TÂY SƠN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Kênh tưới thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn.
- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.
- Địa chỉ liên hệ: 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Diện tích thực hiện dự án là 5,5 ha (gồm: đất chiếm dụng vĩnh viễn 2,5 ha; đất chiếm dụng tạm thời 3,0 ha).
- Quy mô: xây dựng tuyến kênh tưới dài 12.000 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Đầu tư xây dựng hệ thống kênh tưới dài 12.000 m, với lưu lượng đầu kênh $0,316 \text{ m}^3/\text{s}$, kết cấu kênh bằng ống HDPE, ống thép và bê tông, cụ thể:

+ Xây dựng 01 tuyến kênh cấp II: Chiều dài 6.120 m, mặt cắt kênh hình tròn, kết cấu kênh bằng ống HDPE đường kính ngoài (630÷355) mm, ống thép đường kính ngoài 610 mm.

+ Xây dựng 07 tuyến kênh cấp III: Tổng chiều dài 5.880 m. Mặt cắt kênh hình tròn kết cấu bằng ống HDPE, đường kính ngoài (280÷110) mm, ống thép đường kính ngoài 273,1 mm và mặt cắt kênh hình chữ U kích thước BxH = (0,3040,45) x (0,3040,55) m, kết cấu kênh bằng bê tông M200.

- Các công trình trên kênh: 02 cụm điều tiết, 43 hố van chia nước, 5 hố van xả cạn, 13 hố van xả khí, 3 hố van chặn, 35 cống lấy nước, 4 cống qua đường và 2 xi phông.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: 04 bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích khoảng $1000 \text{ m}^2/\text{bãi}$; 04 bãi lưu chứa tạm với diện tích khoảng $300 \text{ m}^2/\text{bãi}$; 04 lán trại tạm; 04 nhà vệ sinh di động.

1.3.3. Các hoạt động của dự án: Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; đắp đất đường thi công, thi công kênh và các hạng mục công trình trên kênh, hoàn thiện công trình.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn 0,69 ha, chiếm dụng tạm thời 1,082 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng kênh và các công trình trên kênh: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp: phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và ô nhiễm vi sinh cao.

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 150 m³ thực bì.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 57 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,55 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Đất bóc phong hóa phát sinh từ quá trình thi công tạo mặt bằng với khối lượng khoảng 893,83 m³. Thành phần chủ yếu là bùn, đất,...

- Lượng đất đào phát sinh từ quá trình thi công Kênh tưới khoảng 19.921,18 m³.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 57 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,....

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước tạm thời để đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư và trên tuyến đường ĐT.638 với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu, đất thừa và đất bóc hữu cơ: sử dụng bạt che chắn tại một số khu vực có dân cư sinh sống và lưu thông qua lại, đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom thực bì phát sinh trong quá trình phát quang mặt bằng đưa về các khu vực bãi chứa tạm, xử lý theo quy định.

- Đất bóc hữu cơ: được thu gom, tập kết tại bãi lưu chứa đất thải tạm, sau đó tận dụng san gạt mặt bằng khu vực chiếm dụng đất tạm thời để tạo lớp đất mặt phục vụ trồng trọt.

- Đất đào trong quá trình thi công được lưu chứa tại các bãi chứa tạm đảm bảo về môi trường tại khu vực xây dựng Kênh tưới và sử dụng đắp lại công trình, không vận chuyển đi nơi khác.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết để thu gom, lưu giữ và hợp đồng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định hiện hành.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

- Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Khẩn trương sơ tán, ứng cứu kịp thời, hạn chế thiệt hại và thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Thực hiện các biện pháp quản lý công trình, kế hoạch phòng chống lụt bão theo Luật Thủy lợi và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Giám sát bụi lơ lửng với tần suất 03 tháng/lần, so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công Kênh tưới và 01 vị trí tại đầm có dân cư sinh sống và lưu thông qua lại gần khu vực thi công.

5.2. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại) tại công trường.

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.